

So sánh giữa *Tộc phả Hoa-sơn* và *Trần tộc vạn thế ngọc phả*, có một chi tiết khác nhau. *Tộc phả Kiến Bình* thì chép Kiến Bình vương là con thứ sáu vua Anh-tông. Trong khi *Trần tộc vạn thế ngọc phả* lại chép vương là con thứ bảy. Vì sao ? *Phả Trần tộc* chép theo huyết tộc, ai sinh trước là anh, ai sinh sau là em. Vì vậy Kiến Bình vương là con thứ 7. *Phả Kiến Bình* thì chép thứ tự theo chỉ dụ của vua Lý Anh tông, Long Xưởng bị giáng xuống làm con út, thì Long Tường trở thành con thứ sáu.

Hồi đó Lý Long Tường dẫn tông tộc rời Đại-Việt ra đi. Trần triều không biết đi đâu. Nay chúng ta mới được biết vương với hạm đội bị bão phải ẩn ở một đảo lớn (Đài-loan ?) Nghỉ ít lâu, hạm đội của vương lại tiếp tục lên đường rồi dạt vào Cao-ly. Duy một người con của vương tên Lý Long Hiền cùng gia thuộc hơn hai trăm người ở lại đảo. Vương là khai tổ của giòng họ Lý tại Đại-hàn, thế tử Long Hiền là khai tổ của giòng họ Lý tại Đài-loan hiện nay ? Sự kiện này tôi sẽ đi Đài-loan tìm hiểu sau.

Tôi đã bỏ công sang Bắc cũng như Nam-hàn, tìm các chi, hậu duệ của Kiến Bình vương Lý Long Tường, khảo gia phả của họ. Phần chi tiết tuy có sự khác biệt, nhưng đại lược vẫn giống nhau. Tổng-thống Lý Thừa Văn của Đại-hàn là hậu duệ đời thứ 25 của Kiến Bình vương Long Tường. Còn tổng thống Lý Đăng Huy của Đài-loan có phải là hậu duệ của thế tử Lý Long Hiền hay không, thì tôi không dám quyết, bởi Lý là giòng họ chiếm đa số ở Trung-quốc. Trong một bài khác, tôi sẽ trình bày về Thủ-tướng Lý Quang Diệu của Singapore là Việt kiều, khai tổ một chi họ Lý đời thứ nhất hay Lý khác ?

(Thưa quý độc giả, chỉ cần thử nghiệm di truyền ADN là ra ngay).

Cả ba bộ sử ĐVSKTT, VSL, KĐVSTGCM cùng chép rất mơ hồ về việc vua Anh-tông phế Long Xưởng lập Long Trát. Nhà vua có tới bảy hoàng tử. Nếu sự thực Long Xưởng phạm tội, phế xuống, sao không lập các con đã trưởng thành, tài trí xuất chúng, đang cầm đại quyền như Kiến Ninh, Kiến An, Kiến Tĩnh vương? Hoặc cùng quá, thì lập Kiến Khang vương Long Ích, năm ấy đã chín tuổi ? Mà phải lập Long Trát mới có 26 tháng làm Thái-tử, rồi phải cử Tô Hiến Thành làm phụ chính ? Cái khúc mắc này tôi đã giải thích rất chi tiết, rất rõ ở hồi 21-23 ***bộ Anh-hùng Đông-a dựng cờ bình Mông***. Trong bài ngắn này không thể giải thích hết.

Dưới đây là phần tôi thuật theo *Tộc-phả Lý Hoa-sơn*:

Niên hiệu Kiến-trung thứ nhì đời vua Thái-tông nhà Trần (DL.1226, Bính Tuất), lo sợ bị Thái-sư Trần Thủ Độ hãm hại, vì vị thế trọng yếu của mình:

- Là con vua Anh-tông, em vua Cao-tông, chú vua Huệ-tông.
- Thân vương duy nhất nắm quyền hành.
- Chức tước cực phẩm *Thái-sư Thương-trụ quốc, Khai-phủ nghị đồng tam tư, Thượng-thư tả bộc xạ, lĩnh đại đô đốc*.

Wương âm thâm cùng Bình Hải công Lý Quang Bất từ căn cứ Đôn-sơn về Kinh Bắc, lạy ở lăng miếu Đình-bảng. Lại đến Thái-miếu mang bài vị, các tế khí ra trấn Đôn-sơn, rồi đem hết tông tộc hơn 6 nghìn người, xuống hạm đội ra đi.

Việc Kiến Bình vương ra đi, có lẽ bắt nguồn từ việc ra đi của Kiến Hải vương trước kia chăng?

Sau hơn tháng lênh đênh trên biển, thì gặp bão. Hạm đội phải ngừng lại một đảo (*Đài-loan?*) rồi tiếp tục lên đường. Một trong các con của vương là Thế-tử Lý Đăng Hiền cùng vợ con ở lại đảo. Hạm đội lênh đênh trên biển một thời gian, thì tấp vào cửa Phú-lương giang, quận Khang-linh (Ong Jin-Gun) tỉnh Hoàng-hải (*Hwang-hac*) thuộc Bắc Cao-ly. Nơi hạm đội tấp vào, dân chúng gọi là Nak-nac-wac có nghĩa là *Bến của khách phương xa có đồ thờ cúng*.

Theo gia phả của con cháu vương thì : Đêm hôm trước, vua Cao-tông (*Kojong*) của Cao-ly mơ thấy một con chim cực lớn bay từ phương Nam lại đậu ở bờ Tây-hải. Tỉnh lại, vua sai người tới đó tìm kiếm, thì gặp hạm đội của Kiến-bình vương. Kiến-bình vương được bệ kiến. Vương dùng bút đàm với vua Cao-tông và các đại thần Cao-ly. Triều đình Cao-tông đối xử với vương rất tốt, chu cấp lương thực. Cho làm nhà ở Ung-tân phủ Nam-trấn sơn (*Chin-sang*). Thế là mấy nghìn người Việt trở thành thuyền nhân kiều ngụ tại Cao-ly.

Lý Long Tường cùng tướng sĩ, gia thuộc bắt đầu cuộc sống mới. Họ trồng trọt, đánh cá, chăn nuôi làm kế sinh nhai. Vương mở trường dạy học: Thi phú, lễ nhạc, tế tự, binh pháp, võ thuật. Vương soạn sách *Học vấn giảng hậu*. Vì học trò đông, Vương cho xây *Độc-thư đường, Giảng võ đường*. Đệ tử của Vương lúc nào cũng trên nghìn người.

Tháng 7 năm Quý-sửu (1253) đời vua Cao-tông năm thứ 40, quân Mông-cổ xâm lăng Cao-ly, vượt Hồn-đông giang, chiếm Tây-hải, phá An-giang Tây-thành. Về mặt thủy, Mông-cổ chiếm các đảo Đại-thanh, Tiểu-thanh, Sáng-lân, rồi tiến chiếm Tây-đô (*Giang-hoa*). Thủ-đô Cao-ly bị đe dọa. Các tướng sĩ hầu hết bị tử trận.

Thấy tình hình Cao-ly nguy ngập, Kiến Bình vương đến gặp Thái-úy (*tướng tổng chỉ huy quân đội*) là Vi Hiễn Khoan, cố vấn cho ông về binh pháp Đại-Việt. Đích thân vương cỡi bạch mã chỉ huy cuộc giữ thành: Đắp thành cao lên, đào hào đặt chông quanh thành. Trong thành đào giếng để có nước uống, tích trữ lương thảo. Vương đem tất cả binh pháp Đại-Việt trong những lần đánh Tống, bình Chiêm ra giúp Cao-ly.

Đánh nhau suốt 5 tháng, quân Nguyên bị tuyệt lương thảo, bị chặn đường rút lui, xin hàng (6). Tết năm ấy, toàn Cao-ly mừng chiến thắng. Triều đình khen ngợi Lý Long Tường, lấy tên ngọn núi ở quê hương vương là Hoa-sơn; phong cho vương làm Hoa-sơn tướng quân. Lại cho đổi tên ngọn núi nơi vương cư ngụ là Hoa-sơn. (7). Nhà vua sai dựng bia ghi công vương trên núi Hoa-sơn, đích thân vua viết ba chữ *Thụ hàng môn (Cửa tiếp thụ giặc đầu hàng)*. Cho đến nay, sau 746 năm, trải biết bao nhiêu mưa nắng, thăng trầm; tấm bia ấy vẫn trở gan cùng cùng tuế nguyệt, nhắc nhở du khách nhớ huân công của một Việt-kiều trên Hàn-quốc.

Ghi chú

(6) Có một sự trùng hợp. Năm năm sau, tháng 1-1258, Thái-sư Mông-cổ là Ngột-lương Hợp-thai (Uriyangqadai) đem quân đánh Đại Việt, cũng bị tuyệt đường lương, rồi bỏ chạy. Xin đọc **Anh-hùng Đông-a dựng cờ bình Mông** hồi 50).

(7) Tôi tra trong địa lý thời Lý, trên lãnh thổ Đại Việt không có ngọn núi nào tên Hoa-sơn cả. Có lẽ là núi Tiêu-sơn, nơi phát tích ra triều Lý chăng ?

Trong dịp thăm Hoa-sơn năm 1981, tôi xin người đại diện tộc Lý cho phép được mượn thợ khắc vào một phiến đá bài thơ cổ phong bằng chữ Trung-quốc (Hán, Nho), đặt cạnh tấm bia trên, gọi là chút lòng của người sau, tế người trước. Xin phiên âm như sau:

Điều Kiến Bình vương
*Phúc tại Tiêu-sơn lĩnh,
Thất đại bôn Bắc Cao,
Bình Mông danh vạn đại,
Tử tôn giai phong hầu.
Học phong nhân bất cập.
Vọng quốc hồn phiêu phiêu,
Kim tải quá bát bách,
Hà thời quy cố hương?*

(Ngài là người họ Lý, được hưởng phúc tại ngọn núi Tiêu-sơn. Kể từ vua Lý Thái-tổ tới ngài là đời thứ bảy, phải bôn tẩu đến xứ Bắc Cao-ly. Nhờ chiến công đánh Mông-cổ, mà con cháu ngài đều được phong hầu. Ngoài ra, ngài là người đem học phong tới Cao-ly, công đức ấy không ai sánh kịp. Thế nhưng trải trên tám trăm năm, hồn ngài lúc nào cũng phiêu phưởng, không biết bao giờ được về cố hương ?).

Ngày nay trên ngọn đồi Julbang thuộc xã Đỗ-môn (Tô-mơ-ki) cách núi Hoa-sơn 10 cây số về phía Tây còn lăng mộ ngài và con, cháu cho đến ba đời. Trên Quảng-đại sơn có Vọng-quốc đàn, nơi cuối đời ngài thường lên đó, ngày ngày nhìn về phương Nam, ôm mặt khóc, tưởng nhớ cố quốc. Mỏm đá mà ngài đặt chân đầu tiên lên bờ biển Cao-ly, được gọi là *Việt-thanh nham*, tức đá xanh in vết tên Việt.

Trên Hoa-sơn còn rất nhiều di tích kỷ niệm huân nghiệp của vương. Khi đến Hoa-sơn hành hương, thay vì chào nhau, du khách được hướng dẫn viên du lịch dạy cho nói câu: *Hữu khách, Hữu khách, kỳ bạch mã*. Nghĩa là *Có người khách cỡi ngựa trắng*, tức Lý Long Tường.

Tương truyền một đạo binh thiện chiến do Vương huấn luyện, trở thành đạo binh bảo quốc, đời nọ sang đời kia đều lấy tên là Bạch-mã. Hồi chiến tranh Việt-Nam (1960-1975) sư đoàn Bạch-mã có tham chiến, trấn đóng tại vùng Bồng-sơn, Quy-nhơn, Bình-định.

Cho đến nay, giòng họ Lý Hoa-sơn truyền trải 28 đời. Tại Nam-hàn chỉ có khoảng hơn nghìn hộ. Tại Bắc-hàn thì đông lắm, không thống kê được. Lý tộc tại Nam-hàn, hầu hết họ là những gia đình có địa vị trọng yếu về giáo dục, kinh tế, kỹ nghệ. Kỳ ứng cử vừa qua, một ứng viên Tổng thống họ Lý suýt trúng cử.

Theo tấm bia trên mang tên *Thụ-hàng môn bi ký*, thì Kiến Bình vương Long Tường có nhiều con trai, tất cả đều hiển đạt. Không thấy nói tới Lý Long Hiền, cùng tông tộc hơn 200 người ở lại đảo (Đài-loan ?). Lý Cán Đại lĩnh Đề-học nghệ văn quán, Kim-tử quang lộc đại phu. Lý Huyền Lương, Tham-nghị lễ tào, Chính-nghị đại phu. Lý Long Tiên Giám-tu quốc sử.(8)

Ghi chú

(8) Theo quan chế Tống, hồi đó thì chức *Chiêu-văn quan đại học sĩ, giám tu quốc sử* là danh tự để chỉ chức *Tể-tướng*. Không biết quan chế *Cao-ly* có giống Tống không? Nếu giống thì Lý Long Tiên đã làm *Tể-tướng*.

Ngày nay, tại Bắc-hàn, cứ đến dịp tết Nguyên-đán, hậu duệ của Kiến Bình vương Lý Long Tường khắp lãnh thổ Đại-hàn đều kéo về Hoa-sơn để dự lễ tế tổ (*Luật pháp Nam-Bắc Hàn đều cấm ngặt người Nam-Hàn du lịch Bắc-Hàn. Thế nhưng, hầu hết các hậu duệ tại Nam-hàn đã dùng phi cơ sang Trung-quốc, rồi từ Trung-quốc vào Bắc-hàn. Khi những hậu duệ Nam-Bắc Hàn gặp nhau, họ ôm nhau khóc nức nở. Sự kiện này chính phủ Nam-Bắc Hàn nhắm mắt lờ đi, vì tộc Lý dù ở Nam hay Bắc họ đều giữ những chức vụ trọng yếu*). Khởi đầu của cuộc tế, đánh chín tiếng trống, gọi là *Tâm-thanh* để mọi người cùng tưởng nhớ cố quốc. Theo gia phả của chi Thuận-xuyên, sở dĩ đánh chín tiếng, vì muốn ghi lại triều Lý trải 9 đời vua, kể cả Lý Chiêu-hoàng. (9)

Năm 1995, con cháu của Kiến Bình vương Lý Long Tường, quy tụ hơn trăm người trở về Đình-bảng, huyện Tiên-sơn, tỉnh Bắc-ninh dự lễ hội làng vào ngày rằm tháng ba Âm-lịch. Tại thiên chi linh, hần 9 đời vua triều Tiên-sơn, cũng như Kiến Bình vương Lý Long Tường đã thỏa nguyện: Những đứa cháu lưu lạc, nay trở về châu tổ.

Lời quê gửi tới người Việt hải ngoại.

Hiện nay gần ba triệu người Việt lưu lạc khắp mọi góc biển, mọi chân trời. Có nơi sống tập trung như Hoa-kỳ, Thái-lan, Cao-miên, Ai-lao, Canada, Úc, Pháp, Nga-sô. Có nơi sống rải rác cô độc như Do-thái, Irak, Gabon...Nhìn vào tấm gương của hai giòng họ Lý tại Đại-hàn. Dù con cháu quý vị không còn nói được tiếng Việt. Dù con cháu quý vị đã kết hôn với người địa phương. Nhưng quý vị phải luôn nhắc nhở cho chúng biết rằng: Chúng là người Việt, lấy *chủ đạo là con Rồng cháu Tiên*. Xin quý vị khẩn chép lại:

1. Nguồn gốc giòng họ mình từ làng nào, xã nào, tỉnh nào. Hoặc liên lạc với họ hàng trong nước để xin bản sao gia phả.
2. Tiểu sử những tiền nhân. Nếu không nhớ được hành trạng của các tổ xa đời, thì ít ra cũng chép được từ đời ông, đời cha.
3. Rời Việt-Nam ra đi vì lý do gì? Bắt đầu đến đâu? Lập nghiệp ra sao?
4. Mỗi năm vào dịp tết, quý vị sai đọc cho tất cả con cháu đều nghe.
5. Hằng năm, nếu có thể, khuyên con cháu, nên trở về quê hương, viếng thăm đất tổ, thăm mồ mả tiền nhân.
6. Khi về già, các vị sai chép những gì quý vị chi thành ra thành nhiều bản, cho mỗi con một bản, và dặn con cháu chép tiếp...

Vài lời thô thiển. Biết rằng các vị cho là thường. Thừa quý vị, tộc Việt ta vốn là con Rồng, cháu Tiên. Biết đâu trăm năm sau, nghìn năm sau, con cháu quý vị có thể là Tổng-thống Hoa-kỳ, Tổng-thống Nga-sô hay Thủ-tướng Đức, Do-thái. Và biết đâu con cháu quý vị không thành Thủ-tướng Trung-quốc. Bây giờ những gì quý vị coi là thường, bấy giờ sẽ trở thành quý báu vô cùng.

Mong lắm thay! Cầu xin như vậy đấy.

Yên-tử cư-sĩ Trần Đại-Sỹ

(Những tài liệu tôi dùng để viết bài này rất phong phú, rất nhiều. Xin xem phần Những nguồn tài liệu, trong bộ Anh-hùng Đông-a dựng cờ bình Mông, quyển 1, do Đại-Nam Hoa Kỳ ấn hành)

Ghi chú,

(9) Chín đời vua triều Lý là,

1. Thái-tổ Lý Công Uẩn.
2. Thái-tông Lý Đức Chính.
3. Thánh-tông Lý Nhật Tông.
4. Nhân-tông Lý Càn Đức.
5. Thần-tông Lý Dương Hoán.
6. Anh-tông Lý Thiên Tộ.
7. Cao-tông Lý Long Trát.
8. Huệ-tông Lý Long Sảm.
9. Chiêu-hoàng Lý Phật Kim.

Yên-tử cư-sĩ Trần Đại-Sỹ

Đền thờ tám vị vua triều Lý (Lý Bát-đế từ) tại Bắc-ninh



Yên-tử cư-sĩ Trần Đại-Sỹ

1. Tượng thờ vua Lý Thái-tổ



3. Tượng thờ vua Lý Thánh-tông



Yên-tử cư-sĩ Trần Đại-Sỹ

4. Tượng thờ vua Lý Nhân-tông



5. Tượng thờ vua Lý Thần-tông



6. Tượng thờ vua Lý Anh-tông



Yên-tử cư-sĩ Trần Đại-Sỹ

7. Tượng thờ vua Lý Cao-tông



8. Tượng thờ vua Lý Huệ-tông



Yên-tử cư-sĩ Trần Đại-Sỹ

*Hồ mã tê Bắc phong,
Việt điều sào Nam chi,*

***Nghĩa là:** Con ngựa đất Hồ (vùng Bắc Trung-quốc) khi bị đưa vào Trung-nguyên, mỗi khi gió Bắc thổi, nó nhớ quê, hý lên, buồn thảm. Còn con chim Việt, lạc sang Trung-nguyên, khi làm tổ, bao giờ nó cũng làm ở cành phía Nam.*

